

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2023/KDTM-ST
Ngày: 24 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng, hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số:02/2023/TLST-KDTM ngày 03/8/2023 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:01/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (Viết tắt Ngân hàng VPBank)

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý

Địa chỉ: tầng 7, tòa nhà Việt H, 78 Dịch Vọng H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Tuấn N
2. Ông Trần Sơn T
3. Ông Hoàng Minh Ng

Đều có địa chỉ: tầng 7, tòa nhà Việt H, 78 Dịch Vọng H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C(Viết tắt Công ty Trúc Cường)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thị tứ Quang P, xã Quang P, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương
- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981 và bà Đỗ Thị Trang, sinh năm 1985.

Đều có địa chỉ tại: thôn Thái A, xã Quang P, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.
(Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng VPBank do ông Trần Sơn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ buôn bán sắt thép, thép hình, tôn màu các loại, ông Nguyễn Thanh T là Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại Trúc Cường đã làm đơn đề nghị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng cho vay số tiền cụ thể như sau:

I. Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 Công ty Trúc Cường vay của Ngân hàng VPBank

Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Thời hạn duy trì của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 06/01/2020. Trong thời hạn này. Bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần và được cấp bảo lãnh nhiều lần. nhưng tổng dư nợ cho vay, số dư bảo lãnh tại mọi thời điểm không được vượt quá Giá trị của hạn mức tín dụng.

Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ buôn bán sắt thép, thép hình, tôn màu các loại.

Thời hạn vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức: Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần Bên vay nhận nợ.

Lãi suất cho vay trong hạn: Mỗi lần vay vốn, bên Ngân hàng sẽ thông báo cho bên vay về mức lãi suất, phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với khoản vay đó và ghi nhận cụ thể trong Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cách thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, số tiền lãi phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng (=) (Số dư thực tế nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) lãi suất tính lãi) chia (/) 365.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20003 ký ngày 06/01/2020 ông Nguyễn Thanh T đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Trúc Cường trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi. các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại. Các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty Trúc Cường với Bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số

HDG/20002 ngày 06/01/2020, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Trúc Cường và Bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 VPBank đã giải ngân cho Công ty Trúc Cường số tiền 5.701.034.500 đồng, qua các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-10 ngày 13/04/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 350.106.515 đồng.

+ Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 13/04/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17.1%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/05/2020. Số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 38.900.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 38.906.515 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/05/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-09 ngày 19/03/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 19/03/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17.1%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/04/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 15.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/04/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-32 ngày 08/10/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 230.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 08/10/2020 đến ngày 03/07/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 20/11/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 25.600.000 đồng, riêng kỳ cuối trả: 25.200.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 20. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 20/11/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-08 ngày 11/03/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 177.000.000 đồng

Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 11/03/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17,1%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu vào ngày: 25/04/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 17.700.000 đồng

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/04/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-21 ngày 17/07/2020.

Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng

Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 17/07/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/08/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 16.700.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 16.500.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/08/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-35 ngày 19/11/2020.

Số tiền nhận nợ: 361.000.000 đồng

Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 19/11/2020 đến ngày 03/07/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/12/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 45.200.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 44.600.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/12/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-14 ngày 25/05/2020.

Số tiền nhận nợ: 162.669.051 đồng.

Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 25/05/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/06/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 20.300.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 20.569.051 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/06/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-26 ngày 24/08/2020.

Số tiền nhận nợ: 460.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 24/08/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 14%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/09/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 92.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/09/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-23 ngày 24/07/2020

Số tiền nhận nợ: 112.500.000 đồng

Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 24/07/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/08/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 18.700.000 đồng, riêng kỳ cuối trả: 19.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/08/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-12 ngày 06/05/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 202.037.121 đồng

+ Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 06/05/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 20/06/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 25.000.000 đồng, riêng kỳ cuối trả: 27.037.121 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 20. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 20/06/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-18 ngày 18/06/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 18/06/2020 đến ngày 18/12/2020.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/07/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 16.700.000 đồng, riêng kỳ cuối trả: 16.500.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/07/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-20 ngày 16/07/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 16/07/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/08/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là 16.700.000 đồng, riêng kỳ cuối trả: 16.500.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/08/2020.

Khế ước nhận nợ -số HDG/20002-17 ngày 16/06/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 16/06/2020 đến ngày 16/12/2020.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn hru động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/07/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 50.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/07/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-24 ngày 12/08/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 148.737.610 đồng.
+ Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 12/08/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.
+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 14%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/09/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 30.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 28.737.610 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/09/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-27 ngày 11/09/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 137.500.000 đồng
+ Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 11/09/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.
+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/09/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 13.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 13.300.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-25 ngày 18/08/2020.

Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng.
Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 18/08/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 14%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/09/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 20.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 20.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/09/2020.

Khế ước nhận nợ-số 1HDG/20002-25 ngày 10/11/2020.

Số tiền nhận nợ: 350.000.000 đồng
Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 10/11/2020 đến ngày 03/07/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/12/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 43.800.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 43.400.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/12/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-11 ngày 20/04/2020.

Số tiền nhận nợ: 159.439.242 đồng

Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 20/04/2020 đến ngày 02/01/2021.

Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 17,1%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/12/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 17.700.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 17.839.242 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/05/2020.

Khế ước nhận nợ-số HDG/20002-31 ngày 06/10/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 220.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 06/10/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 20/11/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 24.500.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 24.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 20. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 20/11/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-22 ngày 20/07/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 294.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 20/07/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/08/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 49.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 49.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/08/2020.

- Khế ước nhận nợ số HDG/20002-15 ngày 29/05/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 125.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 29/05/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/06/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 15.600.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 15.800.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/06/2020.

Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-13 ngày 19/05/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 170.068.513 đồng

+ Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 19/05/2020 đến ngày 02/01/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/06/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 21.200.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 21.668.513 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/06/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-30 ngày 29/09/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 380.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 29/09/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15.4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/10/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 38.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 38.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2020.

- Khế ước nhận nợ số HDG/20002-19 ngày 24/06/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 60.000.000 đồng.

+ Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 24/06/2020 đến ngày 24/12/2020.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,2%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/07/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 10.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 10.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/07/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-27 ngày 22/09/2020

+ Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 22/09/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/10/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 20.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 20.000.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-33 ngày 22/10/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng

+ Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 22/10/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/11/2020. số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 16.700.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 16.400.000 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/11/2020.

Khế ước nhận nợ số HDG/20002-29 ngày 28/09/2020.

+ Số tiền nhận nợ: 400.967.448 đồng

+ Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày 28/09/2020 đến ngày 03/07/2021.

+ Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

+ Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 15,4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

+ Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày: 25/10/2020. Số tiền Bên vay phải trả mỗi kỳ là: 40.000.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả: 40.967.448 đồng.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2020.

II. Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/09/2020 và khế ước nhận nợ số HDG/20082-01 ngày 01/10/2020 Công ty Trúc Cường vay của VPBank tổng số tiền 560.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Thời hạn vay: 6 tháng tính kể từ ngày tiếp theo ngày 01/10/2020 đến ngày 01/04/2021.

Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép.

Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 10%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10% tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cách thức tính lãi: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, số tiền lãi phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=)$ (Số dư thực tế nhân (x) số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) lãi suất tính lãi) chia $(/)$ 365.

Thời hạn trả nợ:

Nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng một lần khi kết thúc thời gian vay.

Trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 25/10/2020.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, BKS số: 34A-398.22 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 073601 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/07/2020 mang lên ông Nguyễn Thanh T). Thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDG/20083-01 ngày 30/09/2020.

Biện pháp bảo đảm tiền vay khác: Bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Thanh T theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20083-02 ngày 30/09/2020.

Quá trình thực hiện Hợp đồng. Công ty Trúc Cường đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 23/08/2023 Công ty Trúc Cường còn nợ VPBank số tiền là:

Nợ gốc: 3,542.600.000 đồng

Lãi phải trả: 2.520,784,687 đồng

- Tổng cộng: 6,063,384,687 đồng

Ngân hàng VPBank đề nghị:

1. Buộc Công ty Trúc Cường phải trả cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/9/2020 cụ thể như sau:

Nợ gốc: 3,542.600.000 đồng

Lãi phải trả: 2.520,784,687 đồng

- Tổng cộng: 6,063,384,687 đồng (Sáu tỷ không trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng)

2. Trong trường hợp Công ty Trúc Cường không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án:

- Phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDG/20083-01 ngày 30/9/2023 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T trả nợ thay Công ty Trúc Cường theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20083-02 ngày 30/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20003 ngày 06/01/2020.

3. Tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank

2. Buộc Công ty Trúc Cường phải trả cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/9/2020 cụ thể như sau:

Nợ gốc: 3,542.600.000 đồng

Lãi phải trả: 2.520,784,687 đồng

- Tổng cộng: 6,063,384,687 đồng (Sáu tỷ không trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng)

3. Trong trường hợp Công ty Trúc Cường không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền:

- Phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDG/20083-01 ngày 30/9/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Thanh T trả nợ thay Công ty Trúc Cường theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20083-02 ngày 30/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20003 ngày 06/01/2020.

Về án phí: Công ty Trúc Cường phải chịu án phí dân sự theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc Cường. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc Cường có địa chỉ tại thị tứ Quang P, xã Quang P, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nên TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý giải quyết là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là đúng về thẩm

quyền theo quy định tại Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn là Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc Cường và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thị Trang, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập những người này theo địa chỉ được ghi trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng bảo lãnh, thực hiện việc xác minh tại chính quyền địa phương thì thấy tại thời điểm ký kết các hợp đồng Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc Cường và ông Trúc, bà Trang đều có địa chỉ tại thị tứ Quang P, xã Quang P, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương, sau này Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc Cường đã trả lại mặt bằng cho người có đất không còn hoạt động hay chuyển trụ sở đi nơi khác cũng như ông Trúc, bà Trang không còn sinh sống tại địa phương nữa và đi đâu làm gì địa phương không nắm được. Tòa án xác định đây là trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung. Ông Trúc vừa là người đại diện theo pháp luật của công ty Trúc Cường vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà Trang đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét yêu cầu của Ngân hàng VPBank đề nghị Tòa án buộc Công ty Trúc Cường phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 3,542.600.000 đồng thì thấy:

- Ngày 06/01/2020 Ngân hàng VPBank và Công ty Trúc Cường ký Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 với hạn mức cho vay là 03 tỷ đồng với mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ buôn bán sắt thép, thép hình, tôn màu các loại. Thời hạn duy trì của hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 06/01/2020, trong thời hạn này. Bên vay có thể vay vốn, trả nợ nhiều lần và được cấp bảo lãnh nhiều lần. nhưng tổng dư nợ cho vay, số dư bảo lãnh tại mọi thời điểm không được vượt quá Giá trị của hạn mức tín dụng. Thời hạn vay tối đa của các khoản vay thuộc hạn mức: Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan tại mỗi lần Bên vay nhận nợ. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về lãi suất vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả, cách thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay.

Thực hiện theo Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Trúc Cường số tiền 5.701.034.500đ thông qua 27 khế ước nhận nợ gồm: Khế ước nhận nợ số HDG/20002-10 ngày 13/04/2020. Số tiền nhận nợ: 350.106.515 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-09 ngày 19/03/2020. Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-32 ngày 08/10/2020. Số tiền nhận nợ: 230.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-08 ngày 11/03/2020. Số tiền nhận nợ: 177.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-21 ngày 17/07/2020. Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-35 ngày 19/11/2020. Số tiền nhận nợ: 361.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-14 ngày 25/05/2020. Số

tiền nhận nợ: 162.669.051 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-26 ngày 24/08/2020.Số tiền nhận nợ: 460.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-23 ngày 24/07/2020. Số tiền nhận nợ: 112.500.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-12 ngày 06/05/2020. Số tiền nhận nợ: 202.037.121 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-18 ngày 18/06/2020. Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-20 ngày 16/07/2020. Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ -số HDG/20002-17 ngày 16/06/2020. Số tiền nhận nợ: 300.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-24 ngày 12/08/2020. Số tiền nhận nợ: 148.737.610 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-27 ngày 11/09/2020. Số tiền nhận nợ: 137.500.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-25 ngày 18/08/2020.Số tiền nhận nợ: 100.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ-số 1IDG/20002-25 ngày 10/11/2020.Số tiền nhận nợ: 350.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-11 ngày 20/04/2020.Số tiền nhận nợ: 159.439.242 đồng; Khế ước nhận nợ-số HDG/20002-31 ngày 06/10/2020.Số tiền nhận nợ: 220.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-22 ngày 20/07/2020.Số tiền nhận nợ: 294.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-15 ngày 29/05/2020.Số tiền nhận nợ: 125.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ- số HDG/20002-13 ngày 19/05/2020.Số tiền nhận nợ: 170.068.513 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-30 ngày 29/09/2020.Số tiền nhận nợ: 380.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-19 ngày 24/06/2020. Số tiền nhận nợ: 60.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số IIDG/20002-27 ngày 22/09/2020. Số tiền nhận nợ: 200.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-33 ngày 22/10/2020. Số tiền nhận nợ: 150.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số HDG/20002-29 ngày 28/09/2020.Số tiền nhận nợ: 400.967.448 đồng.

Đối với mỗi khế ước nhận nợ đều quy định về thời hạn vay, mục đích sử dụng tiền vay, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân và thời hạn trả nợ.

- Ngày 30/9/2020 Ngân hàng VPBank và Công ty Trúc Cường tiếp tục ký Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 với hạn mức cho vay là 560 triệu đồng được thể hiện qua khế ước nhận nợ số HDG/20081-01 ngày 01/10/2020. đồng thời quy định về thời hạn vay, mục đích sử dụng tiền vay, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân và thời hạn trả nợ.

Như vậy, các Hợp đồng, khế ước nhận nợ nói trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và các quy định về cho vay tài sản của Bộ luật dân sự. Do đó, xác định các hợp đồng này đều hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Trúc Cường đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo các khế ước nhận nợ nêu trên, bảng kê quá trình trả nợ gốc do ngân hàng cung cấp thì tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/8/2023 Công ty Trúc Cường còn nợ đối với ngân hàng cụ thể, khế ước nhận nợ các ngày: ngày 11/3/2020 là 17.700.000đ; ngày 19/3/2020 là 30 triệu đồng; ngày 13/4/2020 là 77.806.515đ; ngày 20/4/2020 là 35.539.242đ; ngày 06/5/2020 là 52.037.121đ; ngày 19/5/2020 là 42.868.513; ngày 25/5/2020 là 40.869.051đ; ngày 29/5/2020 là 31.400.000đ; ngày 16/6/2020 là 50.000.000đ; ngày 18/6/2020 là 16.500.000đ; ngày 24/6/2020 là 10.000.000đ; ngày 16/7/2020 là 33.200.000đ; ngày 17/7/2020 là 33.200.000đ; ngày 20/7/2020

là 98.000.000đ; ngày 24/7/2020 là 37.700.000đ; ngày 12/8/2020 là 32.703.110đ; ngày 18/8/2020 là 20.000.000đ; ngày 24/8/2020 là 184.000.000đ; ngày 11/9/2020 là 109.900.000đ; ngày 22/9/2020 là 160.000.000đ; ngày 28/9/2020 là 320.976.448đ; ngày 29/9/2020 là 304.000.000đ; ngày 01/10/2020 là 560 triệu đồng; ngày 06/10/2020 là 195.500.000đ; ngày 08/10/2020 là 204.400.000đ; ngày 22/10/2020 là 133.300.000đ; ngày 10/11/2020 là 350.000.000đ; ngày 19/11/2020 là 361.000.000đ.

Tổng cộng số tiền nợ gốc Công ty Trúc Cường còn nợ đối với ngân hàng là: 3.542.600.000đ (Ba tỷ năm trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Do đó yêu cầu của ngân hàng về việc buộc công ty Trúc Cường phải thanh toán số tiền gốc 3.542.600.000đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.2] Xem xét yêu cầu của Ngân hàng VPBank đề nghị Tòa án buộc Công ty Trúc Cường phải thanh toán trả số tiền lãi tính đến ngày 23/8/2023 là 2.520,784,687 đồng thì thấy:

Theo các hợp đồng cho vay hạn mức, các khế ước nhận nợ nêu trên có quy định về việc bên vay phải trả lãi suất đối với khoản vay, mỗi lần vay vốn ngân hàng sẽ thông báo cho bên vay về mức lãi suất, phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng đối với khoản vay và đều được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ hoặc các văn bản liên quan. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty Trúc Cường đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu lãi và phạt chậm trả như đã quy định trong các hợp đồng hạn mức và các khế ước nhận nợ tương ứng với số tiền gốc còn nợ của từng khế ước, cụ thể số tiền lãi, phạt chậm trả tính đến ngày 23/8/2023 theo các khế ước ngày: ngày 11/3/2020 là 15.315.726; ngày 19/3/2020 là 26.146.508đ; ngày 13/4/2020 là 67.420.808đ; ngày 20/4/2020 là 30.316.686đ; ngày 06/5/2020 là 39.829.497; ngày 19/5/2020 là 32.659.253; ngày 25/5/2020 là 31.294.391đ; ngày 29/5/2020 là 23.962.704đ; ngày 16/6/2020 là 37.524.347đ; ngày 18/6/2020 là 12.440.963đ; ngày 24/6/2020 là 7.552.076đ; ngày 16/7/2020 là 24.840.119đ; ngày 17/7/2020 là 24.857.268đ; ngày 20/7/2020 là 73.520.946đ; ngày 24/7/2020 là 28.355.623đ; ngày 12/8/2020 là 22.437.581đ; ngày 18/8/2020 là 14.418.017đ; ngày 24/8/2020 là 130.801.385đ; ngày 11/9/2020 là 80.494.150đ; ngày 22/9/2020 là 117.158.846đ; ngày 28/9/2020 là 235.100.980đ; ngày 29/9/2020 là 222.667.053đ; ngày 01/10/2020 là 266.517.015đ; ngày 06/10/2020 là 161.842.705đ; ngày 08/10/2020 là 150.367.495đ; ngày 22/10/2020 là 97.566.869đ; ngày 10/11/2020 là 262.412.725đ; ngày 19/11/2020 là 282.962.950đ.

Tổng cộng số tiền lãi, phạt chậm trả là 2.520.784.687 (Hai tỷ năm trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) phù hợp với bảng kê tiền lãi, phạt chậm trả tính đến ngày 23/8/2023 do ngân hàng cung cấp. Do đó yêu cầu của ngân hàng đề nghị buộc Công ty Trúc Cường phải thanh toán số tiền lãi là 2.520.784.687đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.3] Xem xét đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trường hợp Công ty Trúc Cường không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng có quyền: Phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDG/20083-01 ngày 30/9/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; buộc ông Nguyễn Thanh T trả nợ thay Công ty Trúc Cường theo Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20083-02 ngày 30/9/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20003 ngày 06/01/2020 thì thấy:

- Ngoài việc ký Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 thì giữa ông Nguyễn Thanh T và Ngân hàng còn ký Hợp đồng bảo lãnh số HDG/20003 ký ngày 06/01/2020, theo hợp đồng bảo lãnh ông Trúc đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Trúc Cường trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại. Các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty Trúc Cường với Bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Trúc Cường và bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan. Do đó yêu cầu của ngân hàng về việc trường hợp Công ty Trúc Cường không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ thay Công ty Trúc Cường là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

- Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/09/2020 và khế ước nhận nợ thì giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Đỗ Thị Trang với Ngân hàng VPBank ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số HDG/20083-01 ngày 30/09/2020 theo đó ông Trúc, bà Trang dùng tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda CRV, BKS số: 34A-398.22 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 073601 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/07/2020 mang lên ông Nguyễn Thanh T) thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, đồng thời ông Trúc còn ký hợp đồng bảo lãnh số HDG/20083-02 ngày 30/09/2020 để bảo lãnh cho khoản vay. Do đó yêu cầu của Ngân hàng về việc trường hợp Công ty Trúc Cường không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với hợp đồng hạn mức nêu trên thì ngân hàng có quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng hạn mức nêu trên thì ông Trúc có nghĩa vụ thanh toán trả nợ thay Công ty Trúc Cường.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank nên Công ty Trúc Cường phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C phải trả cho ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/9/2020 cụ thể như sau:

Nợ gốc: 3,542.600.000 đồng.

Lãi phải trả: 2.520,784,687 đồng tính đến ngày 23/8/2023.

- Tổng cộng: 6,063,384,687 đồng (Sáu tỷ không trăm sáu mươi ba triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng)

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C không thanh toán trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với Hợp đồng hạn mức số HDG/20082 ngày 30/9/2020 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số HDG/20083-01 ngày 30/9/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thanh toán khác: Trường hợp Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C không thanh toán trả nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20002 ngày 06/01/2020 và các khế ước nhận nợ, cũng như tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số HDG/20082 ngày 30/9/2020 và khế ước nhận nợ thì ông Nguyễn Thanh T phải trả nợ thay cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C đối với số tiền còn nợ của các Hợp đồng, khế ước nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trúc C phải chịu 114.063.000đ (làm tròn) (Một trăm mười bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000070 ngày 02/8/2023 tại Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành